TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính		
Mã học phần:	71ACCT30113	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	232_71ACCT30113_01,02,03		
Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp Tự luận**	Thời gian làm bài:	**75**	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☒ Có	☐ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	**Vận dụng** các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày cách hạch toán các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO2/ PI2.1
CLO2	**Áp dụng** các quy định, chuẩn mực kế toán Việt Nam để trình bày các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO2/ PI2.2
CLO3	**Hạch toán** các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, phải trả, các khoản đầu tư tài chính và huy động vốn một cách chính xác	Tự luận	60%	Phần tự luận	6,0	PLO8/ PI8.2
CLO5	**Thể hiện sự tuân thủ** quy định chuẩn mực kế toán Việt Nam khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9/ PI9.2

III. Nội dung câu hỏi thi

<u>PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm)</u> *bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm*

Câu 1 (random 1 trong 2)

Câu 1a-CLO1[lần 2]: Ngày 10/10/N, nhận được Giấy báo Có của ngân hàng ACB với nội dung khách hàng M chuyển khoản 50.000.000 đồng trả một khoản nợ mà công ty đã xử lý xóa sổ trước đó. Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 112 50.000.000 Có TK 711 50.000.000	**B**. Nợ TK 112 50.000.000 Có TK 131-M 50.000.000
C. Nợ TK 112 50.000.000 Có TK 642 50.000.000	**D**. Nợ TK 112 50.000.000 Có TK 2293 50.000.000

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1[lần 2]: Ngày 31/12/N, công ty tiến hành xóa sổ khoản nợ phải trả 500.000 đồng với nhà cung cấp B (Do nhà cung cấp B không xác nhận công nợ và khi tra cứu thông tin hoạt động của công ty B thì công ty B đã không còn hoạt động). Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 331B 500.000 Có TK 711 500.000	**B**. Nợ TK 331B 500.000 Có TK 511 500.000
C. Nợ TK 331B 500.000 Có TK 515 500.000	**D**. Nợ TK 331B 500.000 Có TK 3388 500.000

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 2)

Câu 2a-CLO1[lần 2]

Ngày 10/10/N, chuyển khoản tạm ứng lương đợt 1 cho công nhân sản xuất 30.000.000 đồng. Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 334 30.000.000 Có TK 112 30.000.000	**B**. Nợ TK 141 30.000.000 Có TK 112 30.000.000
C. Nợ TK 622 30.000.000 Có TK 112 30.000.000	**D**. Nợ TK 6271 30.000.000 Có TK 112 30.000.000

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1[lần 2]

Ngày 10/10/N, chuyển khoản tạm ứng cho nhân viên phòng Kinh doanh đi công tác 30.000.000 đồng. Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 141 30.000.000 Có TK 112 30.000.000	**B**. Nợ TK 334 30.000.000 Có TK 112 30.000.000
C. Nợ TK 6411 30.000.000 Có TK 112 30.000.000	**D**. Nợ TK 6421 30.000.000 Có TK 112 30.000.000

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 2)

Câu 3a-CLO1[lần 2]

Ngày 15/10/N, công ty A chuyển khoản mua 20.000 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh, với giá mua 12.000 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 1211 240.000.000 Có TK 112 240.000.000	**B**. Nợ TK 1288 240.000.000 Có TK 112 240.000.000
C. Nợ TK 1211 200.000.000 Nợ TK 635 40.000.000 Có TK 112 240.000.000	**D**. Nợ TK 1288 200.000.000 Nợ TK 635 40.000.000 Có TK 112 240.000.000

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1[lần 2]

Ngày 15/10/N, công ty A chuyển khoản mua 10.000 cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh, với giá mua 12.000 đồng/cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu). Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 1211 120.000.000 Có TK 112 120.000.000	**B**. Nợ TK 1288 120.000.000 Có TK 112 120.000.000
C. Nợ TK 1211 100.000.000 Nợ TK 635 20.000.000 Có TK 112 120.000.000	**D**. Nợ TK 1288 100.000.000 Nợ TK 635 20.000.000 Có TK 112 120.000.000

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 2)

Câu 4a-CLO1[lần 2]

Ngày 01/10/N, chuyển khoản mua một máy hút chân không đưa vào sử dụng ngay tại phân xưởng với giá mua chưa thuế GTGT 2.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 8%. Biết đây là loại công cụ được phân bổ 2 kỳ (kỳ kế toán tháng). Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 242 2.000.000	**B.** Nợ TK 153 2.000.000

Nợ TK 133 160.000 Có TK 112 2.160.000	Nợ TK 133 160.000 Có TK 112 2.160.000
C. Nợ TK 6273 2.000.000 Nợ TK 133 160.000 Có TK 112 2.160.000	**D**. Nợ TK 242 2.160.000 Có TK 112 2.160.000

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1[lần 2]

Ngày 01/10/N, chuyển khoản mua 2 máy hút chân không đưa vào sử dụng ngay tại phân xưởng với giá mua chưa thuế GTGT 2.000.000 đồng, thuế GTGT được khấu trừ 8%. Biết đây là loại công cụ được phân bổ 2 kỳ (kỳ kế toán tháng). Kế toán tiến hành ghi sổ:

A. Nợ TK 242 4.000.000 Nợ TK 133 320.000 Có TK 112 4.320.000	**B.** Nợ TK 153 4.000.000 Nợ TK 133 320.000 Có TK 112 4.320.000
C. Nợ TK 6273 4.000.000 Nợ TK 133 320.000 Có TK 112 4.320.000	**D**. Nợ TK 242 4.320.000 Có TK 112 4.320.000

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 2)

Câu 5a-CLO2[lần 2]

Thông tin trên sổ chi tiết các khoản phải thu tại công ty M vào ngày 31/12/N như sau: TK 131-A (dư Có) 5.000.000 đồng, TK 131-B (dư Nợ) 100.000.000 đồng, TK 141-M (dư Nợ) 15.000.000 đồng, TK 1388-N (dư Nợ) 10.000.000 đồng. Biết các khoản trên đều mang tính chất ngắn hạn. Phát biểu nào sau đây là ***Sai*** khi trình bày thông tin liên quan đến khoản phải thu trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N được trình bày như thế nào?

A. Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", mã số 131, số tiền ghi dương 95.000.000 đồng

B. Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", mã số 131, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng

C. Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác", mã số 136, số tiền ghi dương 25.000.000 đồng

D. Chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước ngắn hạn", mã số 311, số tiền ghi dương 5.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5b-CLO2[lần 2]

Thông tin trên sổ chi tiết các khoản phải thu tại công ty M vào ngày 31/12/N như sau: TK 131-A (dư Có) 5.000.000 đồng, TK 131-B (dư Nợ) 100.000.000 đồng, TK 141-M (dư Nợ) 15.000.000 đồng, TK 1388-N (dư Nợ) 10.000.000 đồng. Biết các khoản trên đều mang tính chất ngắn hạn. Phát biểu nào sau đây là ***Đúng*** khi trình bày thông tin liên quan đến khoản phải thu trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N được trình bày như thế nào?

A. Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", mã số 131, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng

B. Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", mã số 131, số tiền ghi dương 95.000.000 đồng

C. Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác", mã số 136, số tiền ghi dương 10.000.000 đồng

D. Chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước ngắn hạn", mã số 311, số tiền ghi âm 5.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2[lần 2]

Công ty D vào cuối năm N có thông tin về số dư cuối kỳ của TK 1211: 400.000.000 đồng; TK 1288: 100.000.000 đồng (gồm 500 kỳ phiếu đáo hạn tháng 6/N+2). Hãy cho biết số dư các tài khoản trên được kế toán trình bày như thế nào trên BCĐKT công ty D tại ngày 31/12/N vào cột **"Mã số"** và cột **"Số cuối năm"?**

A. Mã số 121 - Số cuối năm: 400.000.000 và Mã số 255 - Số cuối năm: 100.000.000

B. Mã số 121 - Số cuối năm: 400.000.000 và Mã số 123 - Số cuối năm: 100.000.000

C. Mã số 121 - Số cuối năm: 100.000.000 và Mã số 255 - Số cuối năm: 400.000.000

D. Mã số 121 - Số cuối năm: 100.000.000 và Mã số 123 - Số cuối năm: 400.000.000

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[lần 2]

Công ty D vào cuối năm N có thông tin về số dư cuối kỳ của TK 1211: 400.000.000 đồng; TK 1288: 100.000.000 đồng (gồm 500 kỳ phiếu đáo hạn tháng 6/N+1). Hãy cho biết số dư các tài khoản trên được kế toán trình bày như thế nào trên BCĐKT công ty D tại ngày 31/12/N vào cột **"Mã số"** và cột **"Số cuối năm"?**

A. Mã số 121 - Số cuối năm: 400.000.000 và Mã số 123 - Số cuối năm: 100.000.000

B. Mã số 121 - Số cuối năm: 400.000.000 và Mã số 225 - Số cuối năm: 100.000.000

C. Mã số 121 - Số cuối năm: 100.000.000 và Mã số 255 - Số cuối năm: 400.000.000

D. Mã số 121 - Số cuối năm: 100.000.000 và Mã số 123 - Số cuối năm: 400.000.000

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)

Câu 7a-CLO5[lần 2]

Công ty A thanh lý một tài sản cố định có nguyên giá 120.000.000 đồng, đã khấu hao 100.000.000 đồng, thu được 33.000.000 đồng bằng chuyển khoản (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Chi phí tân trang tài sản trước khi thanh lý 3.000.0000 đồng đã chi trả bằng tiền mặt. Hỏi trường hợp nào sau đây kế toán trình bày thông tin trên báo cáo tài chính đúng quy định?

A. Chỉ tiêu "Thu nhập khác", mã số 31 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 7.000.000 đồng

B. Chỉ tiêu "Thu nhập khác", mã số 31 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 30.000.000 đồng

C. Chỉ tiêu "Chi phí khác", mã số 32 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 23.000.000 đồng

D. Chỉ tiêu "Lợi nhuận khác", mã số 40 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 7.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5[lần 2]

Công ty A thanh lý một tài sản cố định có nguyên giá 120.000.000 đồng, đã khấu hao 100.000.000 đồng, thu được 7.700.000 đồng bằng chuyển khoản (bao gồm cả thuế GTGT 10%). Chi phí tân trang tài sản trước khi thanh lý 3.000.0000 đồng đã chi trả bằng tiền mặt. Hỏi trường hợp nào sau đây kế toán trình bày thông tin trên báo cáo tài chính đúng quy định?

A. Chỉ tiêu "Chi phí khác", mã số 32 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 16.000.000 đồng

B. Chỉ tiêu "Thu nhập khác", mã số 31 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 7.000.000 đồng

C. Chỉ tiêu "Chi phí khác", mã số 32 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 23.000.000 đồng

D. Chỉ tiêu "Lợi nhuận khác", mã số 40 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 4.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)

Câu 8a-CLO5[lần 2]

Phát biểu nào sau đây ***Đúng*** theo thông tư 200/2014/TT/BTC?

A. Khi nhận giữ hộ tài sản cố định, không ghi nhận vào sổ sách kế toán.

B. Khi đem thế chấp giấy tờ nhà, phải xoá sổ kế toán các tài khoản liên quan đến giấy tờ nhà

C. Khi nhận ô tô thuê theo năm, ghi tăng tài sản cố định hữu hình vào sổ sách kế toán

D. Khi mua một tài sản cố định về chờ lắp đặt chạy thử, kế toán phản ánh vào bên Nợ TK 211

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5[lần 2]

Phát biểu nào sau đây ***Sai*** theo thông tư 200/2014/TT/BTC?

A. Khi mua ô tô về nhập kho để bán, kế toán phản ánh vào bên Nợ TK 211

B. Khi đem thế chấp giấy tờ nhà đất, không ghi nhận vào sổ sách kế toán.

C. Khi nhận giữ hộ tài sản cố định, không ghi nhận vào sổ sách kế toán.

D. Khi mua một tài sản cố định về chờ lắp đặt chạy thử, kế toán phản ánh vào bên Nợ TK 2411

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6.0 điểm)

Công ty cổ phần An Phúc được thành lập và bắt đầu hoạt động kinh doanh từ ngày 1/1/N-1, chuyên mua bán và lắp đặt hệ thống camera giám sát. một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty:

- Kỳ kế toán tháng;
- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số khoản mục kế toán tại ngày 31/12/N-1:

Tài khoản	*Số dư (đồng)*	*Thông tin chi tiết*
TK 242-MCC	4.000.000	Máy chấm công đang sử dụng tại phòng bán hàng, loại công cụ phân bổ 6 kỳ bắt đầu từ tháng 9/N-1.
TK 131-SONDO	280.000.000	Dư Nợ, khoản phải thu từ công ty Sơn Đông do bán chịu vào ngày 30/12/N-1, điều kiện thanh toán 1/10, n/30
222-YA	420.000.000	Nắm giữ 38% quyền biểu quyết.
TK 221-GIAN	4.000.000.000	200.000 cổ phiếu đang đầu tư vào công ty con Gia Ân.
Các tài khoản khác có số dư hợp lý.		

Yêu cầu: Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 01/N sau:

1.a.1. Ngày 2, xuất kho một số văn phòng phẩm trị giá 2.000.000 đồng ra sử dụng tại phòng Kế toán trong tháng này.

1.a.2. Ngày 4, phòng bán hàng báo hỏng máy chấm công đang sử dụng và đã thanh lý thu được tiền mặt 1.200.000 đồng. Trong ngày, công ty cũng đã tiến hành mua và lắp đặt 1 máy chấm công khác (cũng là loại phân bổ 6 kỳ) với giá mua chưa thuế 8.000.000 đồng, thuế suất GTGT 10%, tiền chưa thanh toán.

1.a.3. Ngày 5, nhận được giấy báo Có với nội dung công ty Sơn Đông chuyển khoản trả nợ sau khi trừ phần chiết khấu thanh toán được hưởng.

1.a.4. Ngày 14, mua một thiết bị bán hàng với giá mua chưa thuế 200.000.000 đồng, thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho người bán. Chi phí lắp đặt ngay trong ngày đã thanh toán bằng tiền mặt 2.160.000 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%). Biết thiết bị trên có thời gian sử dụng ước tính 5 năm.

1.a.5. Ngày 16, chuyển nhượng một nửa số cổ phiếu đang nắm giữ ở công ty Gia Ân với giá chuyển nhượng là 25.000 đồng/cp, đã thu bằng chuyển khoản, quyền biểu quyết đối với công ty Gia Ân chỉ còn 40% sau khi chuyển nhượng.

1.a.6. Ngày 20, phát hành 300 tờ trái phiếu thường có kỳ hạn 5 năm để huy động vốn, giá phát hành 900.000 đồng/tờ, mệnh giá 1.000.000 đồng/tờ, đã thu đủ bằng chuyển khoản, lãi thanh toán sau định kỳ vào 31/12 hàng năm với lãi suất danh nghĩa 8%/năm. Chi phí phát hành trái phiếu 5.000.000 đồng thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

1.a.7. Ngày 31, đem một xe tải có nguyên giá 640.000.000 đồng, đã khấu hao 340.000.000 đồng góp thêm vốn vào công ty YA dưới hình thức liên doanh. Giá trị góp vốn được hai bên thống nhất là 290.000.000 đồng. Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty đối với công ty YA tăng lên 51%.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		**4.0**	
Câu 1	Câu 1a Nợ TK 112 50.000.000 Có TK 711 50.000.000	0.5	
	Nợ TK 331B 500.000 Có TK 711 500.000		
Câu 2	Câu 2a Nợ TK 334 30.000.000 Có TK 112 30.000.000	0.5	
	Câu 2b Nợ TK 141 30.000.000 Có TK 112 30.000.000		
Câu 3	Câu 3a Nợ TK 1211 240.000.000 Có TK 112 240.000.000	0.5	

	Câu 3b Nợ TK 1211 120.000.000 Có TK 112 120.000.000		
Câu 4	Câu 4a Nợ TK 242 2.000.000 Nợ TK 133 160.000 Có TK 112 2.160.000	0.5	
	Câu 4b Nợ TK 242 4.000.000 Nợ TK 133 320.000 Có TK 112 4.320.000		
Câu 5	Câu 5a Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", mã số 131, số tiền ghi dương 95.000.000 đồng	0.5	
	Câu 5b Chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn của khách hàng", mã số 131, số tiền ghi dương 100.000.000 đồng		
Câu 6	Câu 6a Mã số 121 - Số cuối năm: 400.000.000 và Mã số 255 - Số cuối năm: 100.000.000	0.5	
	Câu 6b Mã số 121 - Số cuối năm: 400.000.000 và Mã số 123 - Số cuối năm: 100.000.000		
Câu 7	Câu 7a Chỉ tiêu "Thu nhập khác", mã số 31 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 7.000.000 đồng	0.5	
	Câu 7b Chỉ tiêu "Chi phí khác", mã số 32 trên Báo cáo kết quả hoạt động là 16.000.000 đồng		
Câu 8	Câu 8a Khi nhận giữ hộ tài sản cố định, không ghi nhận vào sổ sách kế toán	0.5	
	Câu 8b Khi nhận giữ hộ tài sản cố định, không ghi nhận vào sổ sách kế toán		
II. Tự luận		**6.0**	
1.a.1	Nợ TK 6423 2.000.000 Có TK 153-VPP 2.000.000	0.5	
1.a.2	Nợ TK 6413 2.800.000 Nợ TK 111 1.200.000	0.5	

	Có TK 242-MCC 4.000.000		
	Nợ TK 242 8.000.000 Nợ TK 1331 640.000 Có TK 331 8.640.000	0.5	
1.a.3	Nợ TK 112 277.200.000 Nợ TK 635 2.800.000 Có TK 131-SONDO 280.000.000	0.5	
1.a.4.	Nợ TK 2112 200.000.000 Nợ TK 133 20.000.000 Có TK 331 220.000.000	0.5	
	Nợ TK 2112 2.000.000 Nợ TK 133 160.000 Có TK 111 2.160.000	0.5	
1.a.5	Nợ TK 112 2.200.000.000 (22.000đ/cpx100.000cp) Có TK 221 -GIAN 2.000.000.000 Có TK 515 200.000.000	0.5	
	Nợ TK 228-GIAN 2.000.000.000 Có TK 221-GIAN 2.000.000.000	0.5	
1.a.6	Nợ TK 112 270.000.000 Nợ TK 34312 30.000.000 Có TK 34311 300.000.000	0.5	
	Chi phí phát hành Nợ TK 34312 5.000.000 Có TK 112 5.000.000	0.5	
1.a.7	Xóa sổ TSCĐ Nợ TK 222-YA 290.000.000 Nợ TK 811 10.000.000 Nợ TK 214 340.000.000 Có TK 2113 640.000.000	0.5	

	Nợ TK 221-YA 710.000.000 Có TK 222-YA 710.000.000	0.5	
	Điểm tổng	**10.0**	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 Tháng 03 năm 2024

Người duyệt đề

ThS. Nguyễn Thị Thu Vân

Giảng viên ra đề

ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng
ThS. Lê Ngọc Anh